



Name:.....

Class: 1Q....

PHIẾU GIAO BÀI TIẾNG ANH
(4-7/1/2022)

Nội dung tuần 1 tháng 1	
Thứ 3	Unit 5, Vocabulary 1: Fish, meat, juice, milk, eggs, pasta, rice, bread, sandwiches, cheese
Thứ 4	Grammar 1 (What do you have for breakfast/ lunch/ dinner?)
Thứ 5	Review 1
Thứ 6	Phonics sound r Review sounds ck, e, u, r

Nội dung tuần 5 tháng 12 môn WB, GSP (Term 2)	
WB	Term 2, Lesson 7: My special things
GSP	Term 2, Projects 2, Lesson 3: Animals in each layer.

Tập viết từ
Bố mẹ chuẩn bị cho con 1 quyển vở ô ly. Con sẽ luyện viết chữ theo dạng sau: Ví dụ con tập viết từ fish f fi fis fish Vừa viết con vừa đánh vần theo chữ cái.

Nội dung bài về nhà thứ 3 (4/1)

1) Nghe và đọc theo. (2 lần)

I like milk and I like juice.
I like sandwiches.
I don't like meat.
I don't like eggs.
But I like fish and I like bread.
I like fish and I like bread,
And I like sandwiches.

I'm hungry! Yes, I am.
I'm hungry! Oh yes, I am!
I'm hungry! Yes, I am!
I'm hungry. What's for dinner?

I like milk and I like juice.
I like sandwiches.
I don't like cheese.
I don't like rice.
But I think pasta's very nice.
I think pasta's very nice,
And I like sandwiches.

Chorus



- | | | | | |
|---------|--------|---------|--------------|-----------|
| 1 fish | 2 meat | 3 juice | 4 milk | 5 eggs |
| 6 pasta | 7 rice | 8 bread | 9 sandwiches | 10 cheese |

2) Con tự luyện viết các từ sau vào vở: fish, meat, juice, milk, eggs.

CHUẨN BỊ BÀI MÔN WELLBEING:

Lesson 7: My special things

Vocabulary: thankful, grateful

Grammar: My special thing is _____. It makes me feel _____.

Objective: Think about the special things and why

Con xem video các bạn nói về những đồ chơi đặc biệt với các bạn nhỏ và vì sao nhé!

CHUẨN BỊ BÀI MÔN GLOBAL SKILLS PROJECTS:

Project 2 lesson 2: Animals in the jungle (2)

Review: rainforest; jungle, animals, leaf layers (emergent layer, canopy layer, understory layer, forest layer), tiger, lion, monkey, birds, bat, elephant, frog, snake, spider, butterfly, fly, bug, parrot, hippo....

Vocab: anteater, caiman, lemur, sloth, Red Eyed Tree Frog, fruit bat, macaw, toucan, humming bird, bird-eating tarantula, leaf cutter ant.

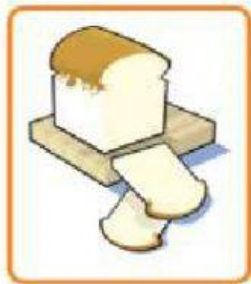
Grammar: It's a/an _____. It lives in _____ layer.

Objective: Classify the kind of animals in each layer.

Video tham khảo:

Nội dung bài về nhà thứ 4 (5/1)

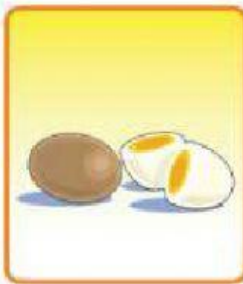
1) Nghe và đọc theo. (2 lần)



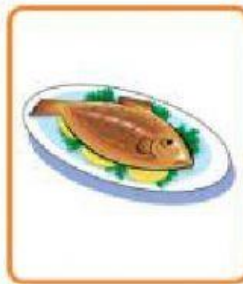
bread



cheese



eggs



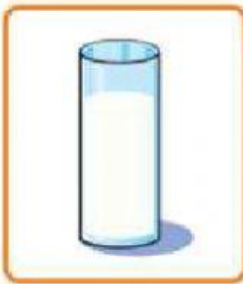
fish



juice



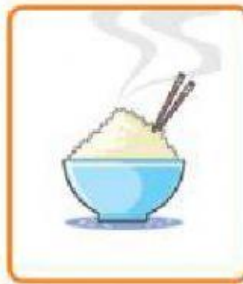
meat



milk



pasta



rice



sandwiches

2) Nghe và đọc theo. (2 lần)

1

What do you have for breakfast?

I have cheese sandwiches for breakfast.

2

What do you have for lunch?

I have cheese sandwiches for lunch.

3

What do you have for dinner? Cheese sandwiches?

No! I have bread and cheese for dinner!

3) Con tự luyện chép các từ sau vào vở: pasta, rice, bread, sandwiches, cheese

4) Con hoàn thành bài tập sách Activity book trang 39, 40 nếu con chưa hoàn thành

Nội dung bài về nhà thứ 5 (6/1)

1) Nghe letter Rr

2) Con mở Apps Online Bright Ideas Unit 5 và làm bài tập sau:

The Big Question

✔ Activity 1 **Listening**

✔ Activity 2 **Listening**

✔ Activity 3 **Reading**

Grammar 1

✔ Activity 1 **Grammar**

2 tries **100%**

✔ Activity 2 **Grammar**

0 tries -

✔ Activity 3 **Grammar**

0 tries -

Nội dung bài về nhà thứ 6 (7/1)

I-READ 15

2) Con mở sách booklet Unit 4 trang 27-29 scan, nghe và đọc câu truyện:

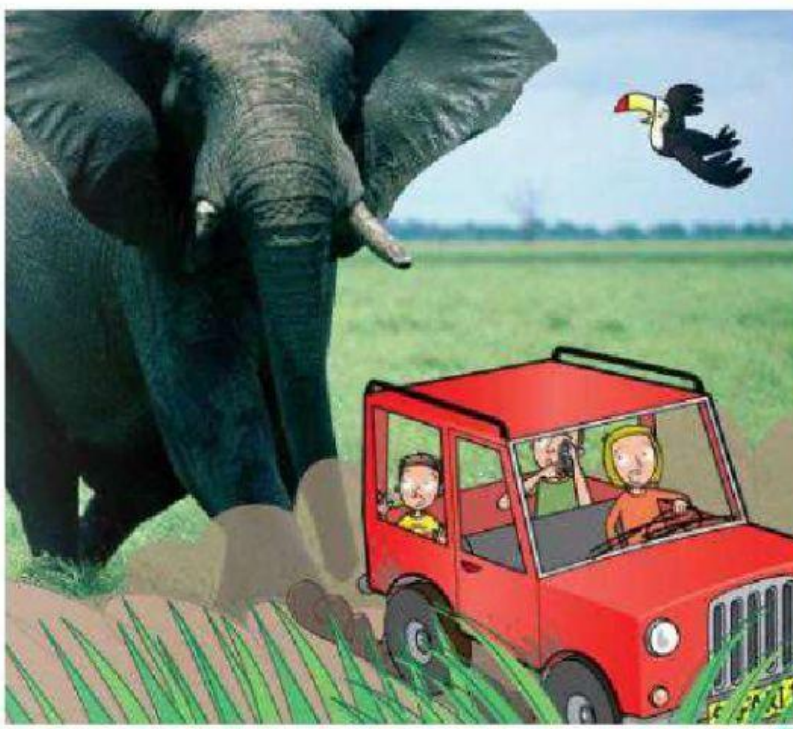
On safari, gửi bài đọc I-read lên facebook (bù bài tuần trước)

I read this story the first time on: _____

I read this story the second time on: _____



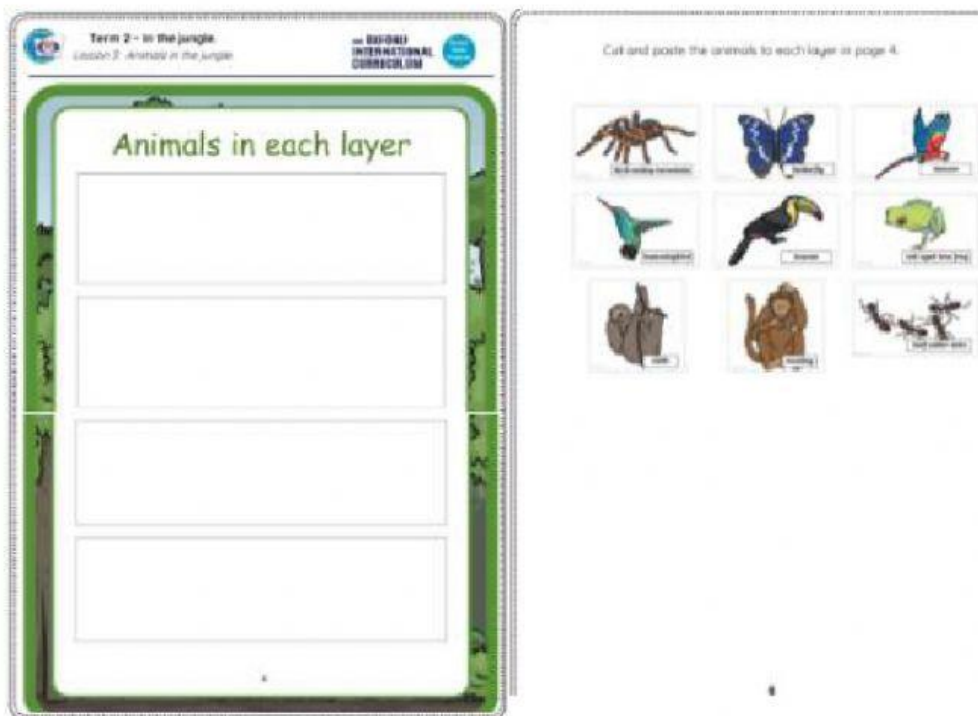
On Safari



1) Con hoàn thành bài tập trang 2 môn Wellbeing.



2) Con hoàn thành bài tập trang 5,6 môn Global Skills Projects.



Chúc các con học tốt!